

Số: 261 /ĐHKT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2025

Kính gửi: Các Trường Thành viên, Khoa, Viện, Trung tâm

Căn cứ kế hoạch đào tạo năm 2025 của Hệ VB2CQ và LTĐHCQ, Ban Đào tạo trân trọng gửi đến các Trường Thành viên, Khoa, Viện, Trung tâm Thời khóa biểu DỰ KIẾN Học kỳ Cuối năm 2025 của các khóa sau:

- + Khóa 25.2, 26.1, 26.2, 27.1, 27.2, 27.3, 27.4, 28.1, 28.2 - Hệ Văn bằng 2 chính quy,
- + Khóa 28.2, 28.3, 29.1, 29.2, 29.3, 29.4, 30.1, 30.2 - Hệ Liên thông đại học chính quy,

Nếu có yêu cầu điều chỉnh thời khóa biểu, xin vui lòng liên hệ Ban Đào tạo trước ngày 10/06/2025 để kịp tiến độ đăng ký học phần của sinh viên.

Ban Đào tạo kính đề nghị các đơn vị đào tạo triển khai đăng ký giảng dạy theo website <https://dangkygiangday.uhh.edu.vn> với kế hoạch thời gian cụ thể đính kèm theo văn bản này.

Nếu có vấn đề gì chưa rõ, xin vui lòng liên hệ Ban Đào tạo.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTKT, B. TC-KHĐT;
- B. CSNH, P. TTPC; B. QTHT;
- Website B. ĐT;
- Lưu: VT, ĐT.

TL. GIÁM ĐỐC
KT. TRƯỞNG BAN ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG BAN



ThS. Võ Thị Tâm

ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỐ TRÍ GIẢNG DẠY

GIẢNG ĐƯỜNG	CƠ SỞ	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
GĐ A...	Cơ sở A	59C Nguyễn Đình Chiểu, P.VTS, Q.3	
GĐ B1...	Cơ sở B – Khu B1	279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10	
GĐ B2...	Cơ sở B – Khu B2	279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10	
GĐ C...	Cơ sở C	91 Đường 3 tháng 2, P.11, Q.10	
GĐ E...	Cơ sở E	54 Nguyễn Văn Thủ, P.Đa Kao, Q.1	
GĐ H...	Cơ sở H	1A Hoàng Diệu, P.10, Q.Phú Nhuận	
GĐ V...	Cơ sở Võ Thị Sáu (Viện Đổi mới sáng tạo)	232/6 Võ Thị Sáu, P.VTS, Q.3	
GĐ N1...	Cơ sở NVL – Khu Hiệu bộ	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	
GĐ N2...	Cơ sở NVL – Khu Giảng đường	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	

KẾ HOẠCH THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐĂNG KÝ GIẢNG DẠY
 (Link thực hiện đăng ký: <https://dangkygiangday.ueh.edu.vn>)

KHÓA HỌC	THỜI GIAN			GHI CHÚ
	Giảng viên đăng ký	Quản lý môn học duyệt	Trưởng đơn vị đào tạo phê duyệt	
+ Khóa 25.2, 26.1, 26.2, 27.1, 27.2, 27.3, 27.4, 28.1, 28.2 - Hệ VB2CQ	09/06/25 – 08/07/25	09/07/25 – 22/07/25	23/07/25 – 28/07/25	Dự kiến thời gian phát hành TKB chính thức: 20/07/25
+ Khóa 28.2, 28.3, 29.1, 29.2, 29.3, 29.4, 30.1, 30.2 - Hệ LTĐHCQ				

**THỜI KHÓA BIỂU CÁC KHÓA HỆ VB2CQ, LTCQ
HỌC KỲ CUỐI NĂM 2025
(Sắp xếp theo Khóa, Ngành, Chuyên ngành)**

THỜI KHÓA BIỂU KHÓA 30.2 HỆ LTCQ (HỌC KỲ 2) (DỰ KIẾN)

	THỜI GIAN	
Học lý thuyết	04/08/2025 – 27/12/2025	CV Khung thời gian đào tạo năm 2025 (Số 2997/ĐHKT-ĐT ngày 12/12/2024)
Các ngày nghỉ	01/09/2025, 02/09/2025, 20/11/2025	
Dự trữ KHĐT	22/12/2025 – 04/01/2026	

ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỐ TRÍ GIẢNG DẠY

GIẢNG ĐƯỜNG	CƠ SỞ	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
GĐ A...	Cơ sở A	59C Nguyễn Đình Chiểu, P.VTS, Q.3	
GĐ B1...	Cơ sở B – Khu B1	279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10	
GĐ B2...	Cơ sở B – Khu B2	279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10	
GĐ C...	Cơ sở C	91 Đường 3 tháng 2, P.11, Q.10	
GĐ E...	Cơ sở E	54 Nguyễn Văn Thủ, P.Đa Kao, Q.1	
GĐ H...	Cơ sở H	1A Hoàng Diệu, P.10, Q.Phú Nhuận	
GĐ V...	Cơ sở VTS (Viện ĐMST)	232/6 Võ Thị Sáu, P.VTS, Q.3	
GĐ N1...	Cơ sở NVL – Khu Hiệu bộ	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	
GĐ N2...	Cơ sở NVL – Khu Giảng đường	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	

LỊCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN SẼ ĐƯỢC BAN ĐÀO TẠO THÔNG BÁO SAU
(xem tại trang <https://student.ueh.edu.vn/> hoặc <https://daotao.ueh.edu.vn/>)

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÓA 30.2 LTCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL ĐK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GB	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế vi mô		3	25C4ECO50100105	90	AD01, V125TP2A D2	5	4	17g45 - 21g10	B2-211	07/08/25 - 23/10/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25C4ECO50100203	90	AD01, V125TP2A D2	5	4	17g45 - 21g10	B2-211	30/10/25 - 27/11/25	
						3	4	17g45 - 21g10	B2-211	04/11/25 - 23/12/25	
Nguyên lý kế toán		3	25C4ACC50700104	90	AD01, V125TP2A D2	7	4	17g45 - 21g10	B2-211	09/08/25 - 25/10/25	
Quản trị học		3	25C4MAN50200101	90	AD01, V125TP2A D2	3	4	17g45 - 21g10	B2-211	05/08/25 - 28/10/25	
Thông kê ứng dụng trong Kế và KD		3	25C4STA50800502	90	AD01, V125TP2A D2	7	4	17g45 - 21g10	B2-211	01/11/25 - 20/12/25	
						5	4	17g45 - 21g10	B2-211	04/12/25 - 25/12/25	
Kinh tế vi mô		3	25C4ECO50100106	90	AD02	5	4	17g45 - 21g10	B2-212	07/08/25 - 23/10/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25C4ECO50100204	90	AD02	7	4	17g45 - 21g10	B2-212	01/11/25 - 20/12/25	
						5	4	17g45 - 21g10	B2-212	04/12/25 - 25/12/25	
Nguyên lý kế toán		3	25C4ACC50700105	90	AD02	3	4	17g45 - 21g10	B2-212	05/08/25 - 28/10/25	
Quản trị học		3	25C4MAN50200102	90	AD02	7	4	17g45 - 21g10	B2-212	09/08/25 - 25/10/25	
Thông kê ứng dụng trong Kế và KD		3	25C4STA50800503	90	AD02	5	4	17g45 - 21g10	B2-212	30/10/25 - 27/11/25	
						3	4	17g45 - 21g10	B2-212	04/11/25 - 23/12/25	

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH KHÓA 30.2 LTCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hoạch định Thuế		3	25C4TAX50401601	80	FN01	7	4	17g45 - 21g10	B2-402	01/11/25 - 20/12/25	
						5	4	17g45 - 21g10	B2-402	04/12/25 - 25/12/25	
Kinh tế vi mô		3	25C4ECO50100107	80	FN01	3	4	17g45 - 21g10	B2-402	05/08/25 - 28/10/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25C4ECO50100205	80	FN01	5	4	17g45 - 21g10	B2-402	30/10/25 - 27/11/25	
						3	4	17g45 - 21g10	B2-402	04/11/25 - 23/12/25	
Nguyên lý kế toán		3	25C4ACC50700106	80	FN01	5	4	17g45 - 21g10	B2-402	07/08/25 - 23/10/25	
Tài chính doanh nghiệp nâng cao		3	25C4FIN50500303	80	FN01	7	4	17g45 - 21g10	B2-402	09/08/25 - 25/10/25	

NGÀNH QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC KHÓA 30.2 LTCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế lượng ứng dụng		3	25C4ECO50106701	50	HR01	5	4	17g45 - 21g10	B2-404	02/10/25 - 25/12/25	
Kinh tế vi mô		3	25C4ECO50100108	50	HR01	3	4	17g45 - 21g10	B2-404	05/08/25 - 30/09/25	
						5	4	17g45 - 21g10	B2-404	07/08/25 - 28/08/25	
Kinh tế vi mô ứng dụng		3	25C4ECO50113801	50	HR01	7	4	17g45 - 21g10	B2-404	04/10/25 - 20/12/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25C4ECO50100206	50	HR01	3	4	17g45 - 21g10	B2-404	07/10/25 - 23/12/25	
Thông kê ứng dụng trong Ktê và KD		3	25C4STA50800504	50	HR01	7	4	17g45 - 21g10	B2-404	09/08/25 - 27/09/25	
						5	4	17g45 - 21g10	B2-404	04/09/25 - 25/09/25	

NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI KHÓA 30.2 LTCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL ĐK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế vi mô		3	25C4ECO50100103	50	KM01	7	4	17g45 - 21g10	B2-302	09/08/25 - 25/10/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25C4ECO50100202	50	KM01	5	4	17g45 - 21g10	B2-302	30/10/25 - 27/11/25	
						3	4	17g45 - 21g10	B2-302	04/11/25 - 23/12/25	
Nguyên lý kế toán		3	25C4ACC50700102	50	KM01	7	4	17g45 - 21g10	B2-302	01/11/25 - 20/12/25	
						5	4	17g45 - 21g10	B2-302	04/12/25 - 25/12/25	
Quản trị chiến lược toàn cầu		3	25C4BUS50317801	50	KM01	3	4	17g45 - 21g10	B2-302	05/08/25 - 28/10/25	
Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu		3	25C4BUS50317901	50	KM01	5	4	17g45 - 21g10	B2-302	07/08/25 - 23/10/25	

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP KHÓA 30.2 LTCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL ĐK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán công		3	25C4ACC50706501	100	KN01	5	4	17g45 - 21g10	B2-207	07/08/25 - 23/10/25	
Kế toán quản trị		3	25C4ACC50701101	100	KN01	7	4	17g45 - 21g10	B2-207	09/08/25 - 25/10/25	
Kiểm toán căn bản		3	25C4ACC50702501	100	KN01	3	4	17g45 - 21g10	B2-207	05/08/25 - 28/10/25	
Kinh tế vi mô		3	25C4ECO50100101	100	KN01	5	4	17g45 - 21g10	B2-207	30/10/25 - 27/11/25	
						3	4	17g45 - 21g10	B2-207	04/11/25 - 23/12/25	
Luật kinh doanh		3	25C4LAW51100101	100	KN01	7	4	17g45 - 21g10	B2-207	01/11/25 - 20/12/25	
						5	4	17g45 - 21g10	B2-207	04/12/25 - 25/12/25	

NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG KHÓA 30.2 LTCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL ĐK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế vi mô		3	25C4ECO50100102	100	LM01	7	4	17g45 - 21g10	B2-208	09/08/25 - 25/10/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25C4ECO50100201	100	LM01	7	4	17g45 - 21g10	B2-208	01/11/25 - 20/12/25	
						5	4	17g45 - 21g10	B2-208	04/12/25 - 25/12/25	
Nguyên lý kế toán		3	25C4ACC50700101	100	LM01	5	4	17g45 - 21g10	B2-208	07/08/25 - 23/10/25	
Quản trị tài chính		3	25C4FIN50503901	100	LM01	5	4	17g45 - 21g10	B2-208	30/10/25 - 27/11/25	
						3	4	17g45 - 21g10	B2-208	04/11/25 - 23/12/25	
Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD		3	25C4STA50800501	100	LM01	3	4	17g45 - 21g10	B2-208	05/08/25 - 28/10/25	

CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 30.2 LTCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL ĐK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán tài chính căn bản		3	25C4ACC50719501	50	NH01	5	4	17g45 - 21g10	B2-403	30/10/25 - 27/11/25	
						3	4	17g45 - 21g10	B2-403	04/11/25 - 23/12/25	
Kinh tế vi mô		3	25C4ECO50100104	50	NH01	3	4	17g45 - 21g10	B2-403	05/08/25 - 28/10/25	
Luật kinh doanh		3	25C4LAW51100102	50	NH01	5	4	17g45 - 21g10	B2-403	07/08/25 - 23/10/25	
Nguyên lý kế toán		3	25C4ACC50700103	50	NH01	7	4	17g45 - 21g10	B2-403	09/08/25 - 25/10/25	
Thị trường và các định chế tài chính		3	25C4BAN50608801	50	NH01	7	4	17g45 - 21g10	B2-403	01/11/25 - 20/12/25	
						5	4	17g45 - 21g10	B2-403	04/12/25 - 25/12/25	

CHUYÊN NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN KINH DOANH KHÓA 30.2 LTCQ

[Học ghép chung với các lớp học phần sau]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C1HIS51002606	90	K49.LSD.0 01	2	5	07g45 - 12g05	N2-405	04/08/25 - 15/09/25	
Kỹ năng mềm		2	25C1BUS50309514	30	[GDQP3]_ DBP001	3	5	07g10 - 11g30	N2-506	05/08/25 - 26/08/25	
						5	5	12g45 - 17g05	N2-512	07/08/25 - 14/08/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000452	35	[GDQP3]_ NHF001	4	5	12g45 - 17g05	B1-407	06/08/25 - 27/08/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-211	08/08/25 - 15/08/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005945	30	[GDQP3]_ DBP001	7	5	07g10 - 11g30	N2-512	09/08/25 - 30/08/25	
						5	5	12g45 - 17g05	N2-512	21/08/25 - 28/08/25	
Quản trị học		3	25C1MAN50200103	60	EE0002	7	5	12g45 - 17g05	N2-308	09/08/25 - 04/10/25	
Quản trị sự thay đổi		3	25C1MAN50201401	50	HPTC.I.NH 0 01	3	5	07g10 - 11g30	N1-502	07/10/25 - 02/12/25	
Hệ thống thông tin quản lý		3	25C1INF50900801	50	DB0001,D BP001	7	5	07g10 - 11g30	N2-301	11/10/25 - 06/12/25	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN KHÓA 30.2 LTCQ

[Học ghép chung với các lớp học phần sau]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL ĐK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Toán dành cho kinh tế và quản trị		3	25C3MAT50800101	40	V125TP2FN 1	2	4	17g45 - 21g10	A316	04/08/2025 - 27/10/2025	
Kỹ năng mềm		2	25C3BUS50309501	50	V124TP4K N1	4	4	17g45 - 21g10	B2-203	06/08/2025 - 24/09/2025	
Kinh tế vi mô		3	25C3ECO50100101	70	V125TP2A D1, V125TP2FN 1, V125TP2L M1	6	4	17g45 - 21g10	A401	08/08/2025 - 24/10/2025	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C3POL51002504	60	V125TP1A V1, V125TP1EE 1, V125TP1HR 1, V125TP1LK 1, V125TP2EL 1	5	4	17g45 - 21g10	A201	30/10/2025 - 11/12/2025	
						7	4	17g45 - 21g10	A201	01/11/2025 - 08/11/2025	
Kinh tế vĩ mô		3	25C3ECO50100204	70	V125TP2A D1, V125TP2FN 1, V125TP2L M1	2	4	17g45 - 21g10	A401	03/11/2025 - 08/12/2025	
						6	4	17g45 - 21g10	A401	07/11/2025 - 12/12/2025	